

Bản án số: 115/2020/DS-ST.

Ngày: 30 - 9 - 2020.

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yên Nhi - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 349/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T (Ngân hàng).

Địa chỉ: Số 09, đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Minh T; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền Số: 053/2020UQ-VPB ngày 13/4/2020).

Nơi làm việc: Số 03A, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1986 và chị Huỳnh Thị Y, sinh năm 1989; cùng nơi cư trú: Số nhà 02, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2020 cùng các lần hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 13/3/2017 anh T, chị Y có vay của ngân hàng, hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ với số tiền 50.000.000 đồng không bảo đảm bằng tài sản, theo Tờ trình kiêm nghị quyết phê duyệt ngày 13/3/2017, mục đích vay tiêu dùng, quá trình sử dụng vốn vay anh T, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 30/9/2020 anh T, chị Y còn nợ ngân hàng số tiền 86.775.806 đồng, trong đó nợ tiền gốc 49.024.771 đồng; nợ tiền lãi 37.751.035 đồng.

Ngày 16/3/2017 anh Lê Quốc T và chị Huỳnh Thị Y có ký hợp đồng tín dụng số: 12484998/VLG/HĐTD vay của Ngân hàng T số tiền 542.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay là 83 tháng. Việc cho vay nợ anh T, chị Y có thể chấp tài sản 01 xe ô tô con hiệu KIA Cerato, biển kiểm soát số 64A-339.32; số khung RNYYE42A6HC102046; số máy G4NAGH556045, Theo Hợp đồng thế chấp số: 12484998/VLG/HĐTCSP, quá trình thực hiện hợp đồng anh T và chị Y đã vi phạm hợp đồng, tính đến ngày 30/9/2020 anh T, chị Y còn nợ ngân hàng số tiền 529.280.608 đồng; trong đó, nợ tiền gốc 398.340.000 đồng; nợ tiền lãi 130.940.608 đồng.

Ngày 13/6/2018, chị Y có vay của ngân hàng, hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ với số tiền 34.000.000 đồng không bảo đảm bằng tài sản, lãi suất 20% năm, thời hạn vay 36 tháng, theo thẻ ghi nợ số CN/VN0010228/201806/18 ngày 13/6/2018, mục đích vay tiêu dùng, quá trình sử dụng vốn vay chị Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 30/9/2020 chị Y còn nợ ngân hàng số tiền 43.279.028 đồng, trong đó nợ tiền gốc 28.783.822 đồng; nợ tiền lãi 14.495.206 đồng.

Ngân hàng yêu cầu anh T, chị Y trả tổng các khoản nợ gốc, lãi như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Bị đơn: Anh T, chị Y được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị buộc bị đơn trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Quốc T và chị Huỳnh Thị Y trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký, anh T, chị Y có hộ khẩu thường trú tại thành phố V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng và được xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Đối với ngân hàng, việc ký kết hợp đồng, ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh T, chị Y có vay của Ngân hàng T các khoản tiền qua các hợp đồng là sự thật, cụ thể:

- Tại Tờ trình kiêm nghị quyết phê duyệt ngày 13/3/2017 anh T, chị Y có vay của ngân hàng, hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ với số tiền 50.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng, quá trình sử dụng vốn vay anh T, chị Y đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 30/9/2020 anh T, chị Y còn nợ ngân hàng số tiền 86.775.806 đồng; trong đó, nợ tiền gốc 49.024.771 đồng; nợ tiền lãi 37.751.035 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số: 12484998/VLG/HĐTD anh T, chị Y vay của Ngân hàng T số tiền 542.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô, thời hạn vay là 83 tháng; việc vay nợ anh T, chị T có thể chấp tài sản 01 xe ô tô con hiệu KIA Cerato, biển kiểm soát số 64A-339.32; số khung RNYE42A6HC102046; số máy G4NAGH556045, Theo Hợp đồng thế chấp số: 12484998/VLG/HĐTCSP, quá trình thực hiện hợp đồng anh T và chị Y đã vi phạm hợp đồng, tính đến ngày 30/9/2020 anh T, chị Y còn nợ ngân hàng số tiền 529.280.608 đồng; trong đó, nợ tiền gốc 398.340.000 đồng; nợ tiền lãi 130.940.608 đồng.

- Ngày 13/6/2018, chị Y có vay của ngân hàng, hình thức mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ với số tiền 34.000.000 đồng, theo thẻ ghi nợ số CN/VN0010228/201806/18, tính đến ngày 30/9/2020 chị Y còn nợ ngân hàng số tiền 43.279.028 đồng, trong đó nợ tiền gốc 28.783.822 đồng; nợ tiền lãi 14.495.206 đồng.

Vì vậy, ngân hàng kiện yêu cầu anh T, chị Y trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự. Ngân hàng còn

yêu cầu anh T, chị Y phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và xử lý tài sản thế chấp nếu anh T, chị Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định, nên được chấp nhận.

[3] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền phải nộp 30.373.000 đồng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn và thấy việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền chi phí 1.000.000 đồng, vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu phần chi phí nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản tiền này nguyên đơn đã tạm nộp trước, buộc bị đơn có trách nhiệm nộp trả lại cho nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng và Điều 26 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời, khi phát biểu quan điểm về tố tụng, Kiểm sát viên có ý kiến rằng, từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định tại phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, vụ án được đưa ra xét xử đúng hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 57; khoản 1 Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T; buộc anh Lê Quốc T và chị Huỳnh Thị Y có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T các khoản tiền như sau:

- Tổng tiền nợ gốc 476.148.593 đồng (*Bốn trăm bảy mươi sáu triệu một trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm chín mươi ba đồng*).

- Tổng tiền nợ lãi 183.186.849 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng*).

Tổng cộng 659.335.442 đồng (*Sáu trăm năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi hai đồng*).

- Kể từ ngày 01/10/2020 anh T, chị Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo các Hợp đồng đã ký (HĐTD số 12484998/VLG/HĐTD ngày 16/3/2017; HĐTD số 228-P-752870 ngày 24/3/2017 và HĐTD số CN/VN0010228/201806/18 ngày 14/6/2018).

- Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng T, thì lãi suất mà anh T, chị Y phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T.

- Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu anh T, chị Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tài sản thế chấp gồm: 01 xe ô tô; nhãn hiệu KIA; màu sơn trắng; số máy G4NAGH556045; số khung RNYYE42A6HC102046; Biển kiểm soát số 64A-339.32 (Hợp đồng thế chấp số: 12484998/VLG/HĐTCSP ngày 16/3/2017).

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Buộc anh Lê Quốc T và chị Huỳnh Thị Y phải nộp 30.373.000 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.624.000 đồng (*Mười ba triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0005415 ngày 29/5/2020 được hoàn trả lại cho Ngân hàng T.

- Buộc anh Lê Quốc T, chị Huỳnh Thị Y phải nộp 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền này được trả lại cho Ngân hàng T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng